

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **619**/QĐ – NHNN

Hà Nội, ngày **25** tháng 03 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu tổng thể
Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa Ngân hàng”**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/1997/QH10 ngày 12/12/1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều luật của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17/06/2003;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA);

Căn cứ Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 131/2006/NĐ-CP về ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn ODA;

Căn cứ Quyết định 725/QĐ-TTg ngày 11/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục Dự án trong lĩnh vực ngân hàng yêu cầu Ngân hàng Thế giới tài trợ thời kỳ 2007-2010;

Căn cứ Hiệp định tài trợ và Hiệp định đồng tài trợ của Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa ngân hàng” đã ký ngày 21/4/2009 tại Hà Nội giữa Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ và đại diện của Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ vào “thư không phản đối” phát hành ngày 24/03/2010 của Ngân hàng Thế giới đối với Kế hoạch đấu thầu tổng thể trong khuôn khổ Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa Ngân hàng”;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa Ngân hàng”,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu tổng thể của Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa Ngân hàng” thay thế cho Kế hoạch đấu thầu cập nhật ban hành kèm theo Quyết định số 3125/QĐ-NHNN ngày 25/12/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Kế hoạch đấu thầu tổng thể được đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Quản lý Dự án FSMIMS, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Thông tin Tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *kg*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP, Ban FSMIMS.

Đính kèm:

- Kế hoạch đấu thầu tổng thể.

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Nguyễn Toàn Thắng

KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU TỔNG THỂ

Dự án Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa Ngân hàng vay vốn Ngân hàng Thế giới
(Ban hành kèm theo Quyết định số:**649**..... ngày **25/3**./2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Biểu 1: Kế hoạch Đầu thầu

I. Đầu thầu dịch vụ tư vấn

Mã số	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn			Hình thức lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	
			IDA	PHRD	Đối ứng				Bắt đầu	Kết thúc
1.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Trung tâm thông tin tín dụng	5.938.000	5.108.000	830.000	0					
ST1	Cung cố chức năng, sắp xếp và cải tiến quy trình nghiệp vụ của NHNN	5.160.000	4.330.000	830.000	0	Lựa chọn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS)	Trọn gói	07/2009	07/2010	06/2014
ST2	Nhóm chuyên gia quốc tế nhằm đảm bảo chất lượng	146.000	146.000	0	0	Lựa chọn chuyên gia tư vấn (IC)	Trọn gói	06/2012	12/2010	06/2014
ST3	Xác nhận chất lượng của bên thứ ba độc lập với NHNN	166.000	166.000	0	0	Lựa chọn dựa trên chất lượng (QBS)	Trọn gói	12/2011	12/2012	06/2014
ST4	Hỗ trợ PMU	169.000	169.000	0	0	Lựa chọn chuyên gia tư vấn (IC)	Trọn gói	11/2008	01/2009	06/2014
ST5	Chuyên gia mua sắm, đầu thầu	132.000	132.000	0	0	Lựa chọn chuyên gia tư vấn (IC)	Trọn gói	06/2010	08/2010	12/2013
ST6	Kiểm toán viên dự án	165.000	165.000	0	0	Lựa chọn theo chi phí thấp nhất (LCS)	Trọn gói	11/2010	02/2011	03/2015

2. Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam		824.000	824.000	0	0					
DT1	Tăng cường chức năng và quy trình nghiệp vụ của DTV	824.000	824.000	0	0	Lựa chọn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS)	Trộn gói	07/2009	07/2010	06/2014
Tổng cộng Phần I		6.762.000	5.932.000	830.000	0					

II. Đấu thầu mua sắm hàng hóa

Mã số	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn			Hình thức lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	
			IDA	PHRD	Đối ứng				Bắt đầu	Kết thúc
1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam										
SG1	Mua sắm thiết bị nhỏ cho NHNN và CIC (phần cứng, truyền thông, máy tính cá nhân, các máy chủ nhỏ, v.v...)	17.536.400	14.906.000	0	2.630.400	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB)	Trộn gói	08/2010	02/2011	06/2012
SG2	Tích hợp hệ thống NHNN	3.070.700	2.610.000	0	460.700	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB)	Trộn gói	12/2011	06/2012	06/2014
SG3	Kế toán NHNN và quản lý nguồn (ứng dụng kế toán lỗi, ERP, module quản lý văn bản, các chuẩn IT, máy chủ chính)	12.811.200	10.889.500	0	1.921.700	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB)	Trộn gói	12/2011	06/2012	06/2014
SG4	Quản lý dữ liệu NHNN (kho lưu trữ dữ liệu lỗi và các ứng dụng liên quan)	4.820.800	4.097.700	0	723.100	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB)	Trộn gói	12/2011	06/2012	06/2014

169

SG5.1	Thiết bị văn phòng cho Ban QLDA FSMIMS	35.300	30.000		5.300	Chào hàng cạnh tranh (Shopping)	Trọn gói	12/2009	03/2010	04/2010
SG5.2	Thiết bị văn phòng cho Ban QLDA FSMIMS	31.800	27.000		4.800	Chào hàng cạnh tranh (Shopping)	Trọn gói	06/2011	07/2011	12/2011
SG6	Xe ô-tô cho Ban QLDA FSMIMS	56.500	48.000		8.500	Chào hàng cạnh tranh (Shopping)	Trọn gói	01/2010	06/2010	09/2010
SG7	Phần mềm kế toán cho PMU (nâng cấp)	5.900	5.000		900	Mua sắm trực tiếp (Direct Contract)	Trọn gói	12/2008	03/2009	06/2009
2. Trung tâm Thông tin Tin dụng										
CG1	Các ứng dụng quản lý dữ liệu CIC (các máy chủ chính, kho dữ liệu lõi, ứng dụng liên quan)	8.843.300	7.516.800	0	1.326.500					
		8.843.300	7.516.800	0	1.326.500	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB)	Trọn gói	12/2010	06/2011	06/2014
3. Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam										
DG1	Các ứng dụng quản lý dữ liệu và tài nguyên cho DIV (các máy chủ chính, kho lưu trữ dữ liệu, các ứng dụng liên quan, ERP)	15.694.100	13.340.000	0	2.354.100					
		15.694.100	13.340.000	0	2.354.100	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB)	Trọn gói	12/2010	06/2011	06/2014
Tổng cộng Phần II		62.906.000	53.470.000	0	9.436.000					
TỔNG CỘNG (Phần I và Phần II)		69.668.000	59.402.000	830.000	9.436.000					

Ghi chú:

_ PMU thực hiện gói thầu từ ST1 đến ST6; từ SG1 đến SG7; và CG1.

_ PIU thực hiện gói thầu DT1 và DG1

_ Giá gói thầu đã bao gồm chi phí dự phòng (giá và số lượng) được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư, dự toán được duyệt

leg

Biểu 2: Các công việc khác

Mã số	Nội dung công việc	Nguồn vốn (USD)			Tổng giá trị thực hiện (USD)
		IDA	PHRD	Đối ứng	
1	Đào tạo, hội thảo, khảo sát và chi phí hoạt động gia tăng	598.000	0	0	598.000
1.1	PMU/SBV triển khai	517.000	0	0	517.000
	SBV1 (4 chuyên khảo sát)	205.000	0	0	205.000
	SBV3.c.iii. (đào tạo, hội thảo, khảo sát)	198.000			198.000
	SBV3.c.iv (chi phí hoạt động gia tăng)	66.000			66.000
	CIC1.a.i.(đào tạo, hội thảo, khảo sát)	48.000			48.000
1.2	PIU/DIV triển khai	81.000	0	0	81.000
	DIV1.b.ii (đào tạo, hội thảo, khảo sát)	48.000			48.000
	DIV3.a. (đào tạo, hội thảo, khảo sát)	11.000			11.000
	DIV3.b. (chi phí hoạt động gia tăng)	22.000			22.000
2	Hoạt động quản lý Dự án	0	0	1.564.000	1.564.000
	SBV3 (PMU triển khai)	0	0	1.195.500	1.195.500
	DIV3 (PIU triển khai)	0	0	368.500	368.500
3	Tổng giá trị các công việc khác (*)	598.000	0	1.564.000	2.162.000

(*) Các công việc khác bao gồm các công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu và các công việc chưa thể lập kế hoạch đầu thầu chi tiết.

88